



Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số	212033.000119	Ngày 19 tháng 2 năm 2008
	7671864311	Ngày 26 tháng 7 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên của Công ty số 212033.000119 ngày 19 tháng 2 năm 2008, do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày 19 tháng 2 năm 2008.

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty số 7671864311 ngày 19 tháng 2 năm 2018, do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp, thay thế Giấy Chứng nhận Đầu tư số 212033.000119.

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7671864311 ngày 26 tháng 7 năm 2018.

Giấy Chứng nhận Đăng ký		
Doanh nghiệp số	2300323118	ngày 19 tháng 2 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300323118 ngày 25 tháng 8 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Na Yoon Yeng Ông Cha Gyun Young Ông Hwang Heon Joo Ông Ha Il Ung Ông Tạ Đình Hà	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Cha Gyun Young Ông Na Yoon Yeng	Giám đốc Cố vấn cao cấp
Ban Kiểm soát	Bà Phan Thị Mai Hoa Bà Phạm Thị Hương Ông Yoo Tag	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu Huyện Yên Phong Tỉnh Bắc Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Cha Gyun Young
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00241-25-1



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		452.380.892.921	401.379.391.449
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	159.803.709.793	141.415.093.311
Tiền	111		135.798.066.963	117.901.511.321
Các khoản tương đương tiền	112		24.005.642.830	23.513.581.990
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121.476.421.766	117.087.089.901
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	121.476.421.766	117.087.089.901
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.974.747.770	102.246.566.020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.989.035.957	61.947.330.919
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.511.228.727	26.496.781.592
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	19.220.000.000	8.517.787.960
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.254.483.086	5.284.665.549
Hàng tồn kho	140	10	32.096.864.889	31.102.651.464
Hàng tồn kho	141		32.096.864.889	31.102.651.464
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.029.148.703	9.527.990.753
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		252.985.957	269.535.615
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.776.162.746	9.258.455.138
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		259.819.204.032	267.018.052.912
Tài sản cố định	220		196.323.001.600	204.345.807.023
Tài sản cố định hữu hình	221	11	183.053.717.383	190.635.438.566
Nguyên giá	222		357.213.408.870	342.442.073.389
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.159.691.487)	(151.806.634.823)
Tài sản cố định vô hình	227	12	13.269.284.217	13.710.368.457
Nguyên giá	228		19.928.637.817	19.928.637.817
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.659.353.600)	(6.218.269.360)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	49.041.000.000	49.041.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		1.155.350.000	1.155.350.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.041.000.000	49.041.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.155.350.000)	(1.155.350.000)
Tài sản dài hạn khác	260		14.455.202.432	13.631.245.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.455.202.432	13.631.245.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		712.200.096.953	668.397.444.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.449.950.501	33.137.683.806
Nợ ngắn hạn	310		36.682.974.134	25.604.244.071
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.452.765.003	17.470.724.308
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.510.000	15.631.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.619.189.249	4.857.976.460
Phải trả người lao động	314		3.209.012.510	2.796.889.150
Phải trả ngắn hạn khác	319		386.497.372	463.022.803
Nợ dài hạn	330		7.766.976.367	7.533.439.735
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	7.766.976.367	7.533.439.735
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		667.750.146.452	635.259.760.555
Vốn chủ sở hữu	410	18	667.750.146.452	635.259.760.555
Vốn cổ phần	411	19	167.737.460.000	167.737.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		167.737.460.000	167.737.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.711.970.000	95.711.970.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		404.300.716.452	371.810.330.555
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		355.036.584.555	335.291.350.463
- LNST năm nay	421b		49.264.131.897	36.518.980.092
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		712.200.096.953	668.397.444.361

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Ninh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Châu Gyun Young
Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	477.341.607.336	425.011.668.202
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	130.405.480	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	477.211.201.856	425.011.668.202
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	354.611.925.121	329.425.979.380
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		122.599.276.735	95.585.688.822
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	15.722.363.178	13.619.650.093
Chi phí tài chính	22	25	1.758.366.327	1.273.637.021
Chi phí bán hàng	25	26	31.203.268.665	26.893.518.733
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	47.954.093.292	40.132.977.956
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		57.405.911.629	40.905.205.205
Thu nhập khác	31		98.936.088	35.701.538
Chi phí khác	32		2.943.667.242	216.702.258
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.844.731.154)	(181.000.720)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.561.180.475	40.724.204.485
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	5.297.048.578	4.205.224.393
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		49.264.131.897	36.518.980.092

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Ninh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Châu Gyun Young
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.561.180.475	40.724.204.485
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		24.124.532.524	24.267.437.432
Các khoản dự phòng	03		233.536.632	226.514.676
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.374.740.599)	(2.014.197.196)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.971.225.660)	(6.943.641.051)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		70.573.283.372	56.260.318.346
Biến động các khoản phải thu	09		(15.638.612.891)	(24.859.206.348)
Biến động hàng tồn kho	10		(994.213.425)	8.229.481.380
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		12.029.794.613	(5.577.333.512)
Biến động chi phí trả trước	12		(807.406.885)	(6.155.714.224)
			65.162.844.784	27.897.545.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.608.003.333)	(882.846.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.554.841.451	27.014.698.901
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(17.574.168.655)	(12.010.411.805)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		637.727.273	227.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(140.696.421.766)	(8.517.787.960)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		125.604.877.861	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		5.666.969.364	6.580.228.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.361.015.923)	(13.720.698.093)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(16.773.746.000)	(25.160.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.773.746.000)	(25.160.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		16.420.079.528	(11.866.618.192)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		141.415.093.311	151.434.795.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.968.536.954	1.846.916.110
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	159.803.709.793	141.415.093.311

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Ninh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Chà Gyun Young
Giám đốc

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 223 nhân viên (1/1/2024: 219 nhân viên).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đỉnh vít, ốc vít chính xác, các linh kiện điện tử kỹ thuật cao dành cho điện thoại di động và các sản phẩm điện tử khác (bao gồm cả quy trình mạ).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 1 công ty con được liệt kê trong Thuyết minh 13.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ khác	10 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng bao gồm tổng số tiền phải trả cho chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng trên lô đất trong Khu Công nghiệp Yên Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, được quy định trong hợp đồng thuê lại đất số 14/2008/BĐS-HĐKT ngày 6 tháng 3 năm 2008 với Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera. Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 45 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác là các chi phí liên quan đến phí hội viên sân golf. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoản thời gian từ 36 đến 360 tháng.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Công ty có nghĩa vụ phải phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy vào thời điểm kết thúc giai đoạn thuê đất. Dự phòng được lập dựa trên lãi suất chiết khấu là 3,1%/năm. Lãi suất chiết khấu áp dụng là lãi suất trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến khoản phải trả mà chưa được bao gồm trong ước tính tốt nhất về các khoản chi.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	70.911.491	12.011.349
Tiền gửi ngân hàng	135.727.155.472	117.889.499.972
Các khoản tương đương tiền	24.005.642.830	23.513.581.990
	159.803.709.793	141.415.093.311

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng trong nước hưởng lãi suất từ 2,8% - 3,3% một năm (1/1/2024: từ 2,8% - 4,4% một năm).

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Serveone (Việt Nam)	9.080.493.180	13.926.379.280
Seoul Metal India Private Limited	10.059.767.685	5.436.280.507
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	6.218.598.817	6.728.105.612
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		
Thái Nguyên	5.738.277.227	4.465.814.212
Seoul Metal (Korea) Co., Ltd	2.700.719.100	1.557.208.650
Samsung Electronics Singapore Pte. Ltd.	3.340.727.566	2.633.580.779
Công ty TNHH Seojin Việt Nam	1.529.532.298	3.637.027.507
Các khách hàng khác	34.320.920.084	23.562.934.372
	72.989.035.957	61.947.330.919

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Seoul Metal India Private Limited – công ty con	10.059.767.685	5.436.280.507

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

M.S. NAM

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Hilock Việt Nam	21.119.397.512	10.736.076.280
Công ty Cổ phần Natural Star Vina	6.679.800.000	3.398.783.587
Các khách hàng khác	2.712.031.215	12.361.921.725
	30.511.228.727	26.496.781.592

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Hilock Việt Nam	9.920.000.000	-
Công ty TNHH J&Y Electronics Việt Nam	9.300.000.000	8.517.787.960
	19.220.000.000	8.517.787.960

Các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo có mức lãi suất khoảng từ 6,1 – 7,7%/năm (1/1/2024: 9%/năm).

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng (*)	4.758.000.650	4.147.275.970
Dự thu lãi tiền gửi và cho vay	1.496.482.436	1.137.389.579
	6.254.483.086	5.284.665.549

(*) Đây chủ yếu là các khoản tạm ứng lương và tiền thuê nhà cho các cá nhân Ban lãnh đạo Công ty theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng cho người lao động của Công ty. Các khoản tạm ứng này sẽ được trừ dần vào lương hàng tháng của các cá nhân nhận tạm ứng. Chi tiết của các khoản tạm ứng như sau:

	Chức vụ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Yang Jeong Gyu	Trưởng phòng sản xuất	2.765.749.600	3.416.914.550
Cha Gyun Young	Giám đốc	1.568.000.000	507.480.460
Khác		424.251.050	222.880.960
		4.758.000.650	4.147.275.970

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024 VND	Giá gốc 1/1/2024 VND
Nguyên vật liệu	6.452.548.026	8.620.206.697
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.669.921.402	4.057.766.669
Thành phẩm	14.566.860.170	13.334.644.495
Hàng hóa	6.407.535.291	5.090.033.603
	32.096.864.889	31.102.651.464

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	139.802.658.484	171.830.326.213	9.829.280.130	8.873.450.337	12.106.358.225	342.442.073.389
Tăng trong năm	4.529.000.000	2.117.720.079	1.787.803.704	213.340.000	8.146.427.152	16.794.290.935
Thanh lý	-	-	(2.022.955.454)	-	-	(2.022.955.454)
Số dư cuối năm	144.331.658.484	173.948.046.292	9.594.128.380	9.086.790.337	20.252.785.377	357.213.408.870
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	25.055.503.954	111.395.413.426	4.707.271.355	5.436.826.438	5.211.619.650	151.806.634.823
Khấu hao trong năm	6.945.915.115	13.032.205.163	1.233.304.159	646.914.394	1.825.109.453	23.683.448.284
Thanh lý	-	-	(1.330.391.620)	-	-	(1.330.391.620)
Số dư cuối năm	32.001.419.069	124.427.618.589	4.610.183.894	6.083.740.832	7.036.729.103	174.159.691.487
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	114.747.154.530	60.434.912.787	5.122.008.775	3.436.623.899	6.894.738.575	190.635.438.566
Số dư cuối năm	112.330.239.415	49.520.427.703	4.983.944.486	3.003.049.505	13.216.056.274	183.053.717.383

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 62.450 triệu VND (1/1/2024: 37.873 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	19.885.547.817	43.090.000	19.928.637.817
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.175.179.360	43.090.000	6.218.269.360
Khấu hao trong năm	441.084.240	-	441.084.240
Số dư cuối năm	6.616.263.600	43.090.000	6.659.353.600
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.710.368.457	-	13.710.368.457
Số dư cuối năm	13.269.284.217	-	13.269.284.217

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 43 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 43 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Vốn nắm giữ	Tỷ lệ Quyền biểu quyết	Giá gốc VND	31/12/2024 và 1/1/2024	
					Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty con						
Seoul Metal India Private Limited	Ấn Độ	97,74%	97,74%	1.155.350.000	(*)	(1.155.350.000)
Đơn vị khác						
INDUSTRIAS GOL, S.A	Tây Ban Nha	10,0%	10,0%	49.041.000.000	(*)	-
				50.196.350.000		(1.155.350.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.259.565.037	9.371.680.852	13.631.245.889
Tăng trong năm	4.966.761.402	-	4.966.761.402
Phân bổ trong năm	(3.797.864.448)	(344.940.411)	(4.142.804.859)
Số dư cuối năm	5.428.461.991	9.026.740.441	14.455.202.432

15. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Seoul Metal (Korea) Co., Ltd	7.613.343.575	3.131.603.001
Công ty TNHH Superlock Electronics	3.458.601.506	3.099.397.731
Công ty TNHH Thép Daeho Việt Nam	3.557.252.490	2.236.675.100
Các nhà cung cấp khác	13.823.567.432	9.003.048.476
	28.452.765.003	17.470.724.308

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	20.819.197.664	(20.819.197.664)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.298.451.020	(1.298.451.020)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.065.224.393	5.297.048.578	(5.608.003.333)	3.754.269.638
Thuế thu nhập cá nhân	322.157.010	6.320.168.858	(6.290.262.447)	352.063.421
Các loại thuế khác	470.595.057	2.204.294.921	(2.162.033.788)	512.856.190
	4.857.976.460	35.939.161.041	(36.177.948.252)	4.619.189.249

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2024 & 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	16.773.746	167.737.460.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	16.773.746	167.737.460.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Ngày 9 tháng 1 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án mua lại 1.677.375 cổ phiếu của Công ty với giá dự kiến là 30.000 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục để mua lại số cổ phiếu này.

20. Cổ tức

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ 10% bằng tiền tương đương với 16.773.746.000 VND (1.000 VND/cổ phiếu) (2023: chi trả cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ 15% bằng tiền tương đương với 25.160.619.000 VND) (1.500 VND/cổ phiếu)).

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.912.965	124.227.966.926	4.442.648	106.916.355.029
EUR	42.542	1.109.530.339	42.497	1.020.131.843
		<u>125.337.497.265</u>		<u>107.936.486.872</u>

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	360.315.490.582	307.903.160.257
▪ Bán hàng hóa	116.124.045.765	116.004.607.633
▪ Cung cấp dịch vụ, bán phế liệu	902.070.989	1.103.900.312
	<u>477.341.607.336</u>	<u>425.011.668.202</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(130.405.480)	-
Doanh thu thuần	<u>477.211.201.856</u>	<u>425.011.668.202</u>

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	251.751.789.515	231.800.676.338
▪ Hàng hoá đã bán	97.687.684.537	91.382.608.096
▪ Dịch vụ đã cung ứng, phế liệu đã bán	5.172.451.069	6.242.694.946
	354.611.925.121	329.425.979.380

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	6.026.062.221	7.062.453.793
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.321.560.358	4.542.999.104
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.374.740.599	2.014.197.196
	15.722.363.178	13.619.650.093

25. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.524.829.695	1.047.122.345
Chi phí tài chính khác	233.536.632	226.514.676
	1.758.366.327	1.273.637.021

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	10.102.691.997	8.281.234.967
Chi phí vật liệu, bao bì	2.301.236.699	2.144.629.270
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.087.474.126	1.082.412.837
Phí chuyển giao công nghệ	10.346.197.898	7.745.926.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.849.949.938	5.777.629.387
Chi phí khác	1.515.718.007	1.861.686.245
	31.203.268.665	26.893.518.733

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	16.988.581.770	16.078.989.357
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	621.550.716	107.618.032
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.061.106.116	3.855.534.742
Thuế, phí và lệ phí	9.550.591	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.840.010.765	11.494.008.762
Chi phí bồi hoàn tiền bồi thường bảo hiểm (*)	3.950.945.931	-
Chi phí khác	9.482.347.403	8.593.827.063
	47.954.093.292	40.132.977.956

(*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 16 tháng 4 năm 2024, Công ty cần hoàn tất nghĩa vụ bồi hoàn tiền bồi thường bảo hiểm cho Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina liên quan đến một vụ hỏa hoạn đã xảy ra tại nhà xưởng của Công ty và gây thiệt hại đến các tài sản của một bên thứ ba đặt tại khu vực diện tích nhà xưởng mà bên thứ ba đó thuê của Công ty.

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	185.417.952.308	173.757.942.740
Chi phí nhân công	64.938.797.492	55.414.683.529
Chi phí khấu hao và phân bổ	24.124.532.524	24.267.437.432
Chi phí công cụ dụng cụ	33.434.667.232	36.486.259.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.700.561.009	101.377.528.240
Chi phí khác	13.293.761.317	11.100.306.513

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.297.048.578	4.205.224.393

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.561.180.475	40.724.204.485
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.912.236.095	8.144.840.897
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.471.732.425	680.224.245
Thay đổi các khoản chênh lệch tạm thời	564.929.116	(375.586.746)
Ưu đãi thuế	(7.651.849.058)	(4.244.254.003)
Chi phí thuế thu nhập	5.297.048.578	4.205.224.393

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu (từ năm 2010 đến năm 2021) và mức thuế suất tiêu chuẩn cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 2 tháng 8 năm 2022, Công ty nhận được giấy xác nhận ưu đãi số 4496/GXN-BCT từ Bộ Công thương về việc Công ty đủ điều kiện hưởng các ưu đãi theo quy định tại Điều 16 Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ đối với các sản phẩm đỉnh ốc vít chính xác bằng kim loại. Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty sẽ có thêm 1 năm miễn thuế (năm 2022) và giảm 50% thuế thu nhập trong 2 năm (từ 2023 đến 2024) đối với những sản phẩm thuộc công nghiệp hỗ trợ được nêu trong giấy xác nhận ưu đãi.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất tiêu chuẩn là 20%.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Cổ đông lớn		
<i>Seoul Metal (H.K) Co., Ltd</i>		
Chia cổ tức	5.369.418.000	7.794.252.000
<i>Global SM Tech Limited</i>		
Chia cổ tức	2.417.184.000	3.625.776.000
<i>Công ty TNHH MTV Đầu Tư SCIC</i>		
Chia cổ tức	1.786.195.000	2.679.292.500
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực</i>		
Chia cổ tức	1.068.375.000	1.602.562.500
Công ty con		
<i>Seoul Metal India Private Limited</i>		
Bán hàng hóa	8.975.936.720	4.381.473.742
Hội đồng Quản trị		
<i>Thủ lao</i>		
Ông Na Yoon Yeng	27.000.000	27.876.000
Ông Tạ Đình Hà	27.000.000	27.876.000
Ông Cha Gyun Young	27.000.000	27.876.000
Ông Ha Il Ung	27.000.000	27.876.000
Ông Hwang Hoen Joo	27.000.000	27.876.000
Tạm ứng lương		
Ông Cha Gyun Young	1.749.200.000	700.000.000
Ông Ha Il Ung	255.382.500	242.887.500

Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Giám đốc và người quản lý khác		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Na Yoon Yeng	8.460.368.000	8.057.420.000
Ông Cha Gyun Young	3.312.238.616	2.909.278.694
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Mai Hoa	30.000.000	23.230.000
Bà Phạm Thị Hương	30.000.000	23.230.000
Ông Yoo Tag	30.000.000	23.230.000

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Ninh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cha Gyun Young
Giám đốc

